

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 30/2023/DS-PT

Ngày 20/02/2023

Về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trương Minh Tuấn, ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 206/TBTL-TA ngày 07/11/2022 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 684/2023/QĐ-PT ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Băng T, sinh năm 1943;

Địa chỉ: tổ 17, thôn X, xã N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2021 của nguyên đơn là ông Lê Hoàng L (sinh năm 1973, địa chỉ: tổ 17, thôn X, xã N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Phạm Thái H (Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa) có mặt.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1953;

Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền lập ngày 07/12/2020 của bị đơn là ông Vũ Bá Khánh B (sinh năm 1990, địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần An T, sinh năm 1947; địa chỉ: USA, chết ngày 21/11/2021.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Trần Bạch T (vợ ông T), anh A Justin Tran và chị T Maria Tran (là hai con ông T) cùng địa chỉ: USA. Bà T và hai con ủy quyền cho bà Trần Ngọc Thùy D (địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa), bà D có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và 2 con là Luật sư Huỳnh Tấn K, thuộc Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, Luật sư K có mặt

2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1953; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1957; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. *Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2021 của bà P là* ông Trần Ngọc X (địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa), ông X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: USA. *Người đại diện theo ủy quyền của bà T là* bà Trần Thị T (địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Bà Trần Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Bà Trần Nguyễn B Q, sinh năm 1976;

7. Cháu Nguyễn Trần Thùy L, sinh ngày 23/4/2005. *Người đại diện theo pháp luật của cháu L là* bà Trần Nguyễn B Q (mẹ đẻ), bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Bà Lưu Thị Mỹ T, sinh năm 1982;

9. Cháu Trần Kiến V sinh ngày 20/5/2013 và cháu Trần Mẫn K, sinh ngày 12/9/2016. *Người đại diện theo pháp luật của cháu V và cháu K là* ông Trần Quốc B và bà Lưu Thị Mỹ T là cha mẹ đẻ.

10. Ông Trần Quốc B, sinh năm 1980. *Người đại diện theo ủy quyền của ông B là* bà Nguyễn Thị Q (địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là* bà Trần Thị Băng T *trình bày:*

Nhà, đất thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 01, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa diện tích 3.375m² có nguồn gốc do vợ chồng cụ Trần T (chết năm 1985) và cụ Lê Thị L (chết năm 1977) tạo lập và sinh sống, hai Cụ chết không để lại di chúc, trên đất có một căn nhà cấp 4. Cụ T, cụ L không ai có con riêng, không nuôi con nuôi mà có 07 con chung gồm bà Trần Thị Băng T, ông Trần An T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị P, bà Trần Thị T, bà Trần Thị T và ông Trần Thế B (ông B chết năm 1999, có vợ là bà Nguyễn Thị Q và 2 con là Trần Nguyễn B Q và Trần Quốc B). Nhà đất cụ T, cụ L tạo lập để lại hiện do gia đình bà Q quản lý, sử dụng.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T, cụ L theo pháp luật, bà T đồng ý giao cho bà Q quản lý, sử dụng diện tích 1.300m² đất, phần nhà từ đường và đất còn lại các bà T, P, T, P, T đề nghị được nhận chung và không yêu cầu bà Q thanh toán chênh lệch kỹ phần thừa kế và các Bà sẽ chịu trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần của bà T đang ở nước ngoài.

- *Bị đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày:* bà Q kết hôn với ông Trần Thế B năm 1976. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Q sinh sống cùng cha mẹ chồng là cụ T, cụ L tại nhà đất thuộc thửa 362, tờ bản đồ số 01, xã D, huyện D; khi đó, các anh chị em chồng đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình ở nơi khác. Năm 1995, vợ chồng bà Q làm thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện D cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số phát hành 00040/QSDĐ/DT-DK ngày 23/10/1995 thì anh chị em chồng không phản đối. Năm 1999, chồng bà Q chết. Năm 2004 các anh chị em chồng về gây sức ép yêu cầu bà Q đình chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định căn nhà bà Q đang ở là nhà từ đường, không được sang nhượng, thế chấp dưới mọi hình thức, do việc điều này đúng đạo lý và nguyện vọng của chồng nên bà Q chấp thuận. Trên cơ sở biên bản thỏa thuận giữa các bên tại Ủy ban nhân dân xã D ngày 23/12/2004, Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên và Môi trường (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường) huyện D đình chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành 00040/QSDĐ/DT-DK ngày 23/10/1995.

Năm 2008, bà Q làm thủ tục tách thửa và xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nên năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện D thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ đã cấp cho bà Q, trong đó có thửa đất 362. Do nhà xuống cấp, hư hỏng nên mẹ con bà Q nhiều lần bỏ tiền sửa chữa, nâng cấp. Nay bà Q đồng ý chia di sản thừa kế của vợ chồng cụ Trần T và cụ Lê Thị L theo yêu cầu của nguyên đơn và xin nhận phần đất diện tích 1.300m² trong đó có phần của ông T (bà Q sẽ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông T khi ông T yêu cầu).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Nguyễn B Q và Trần Quốc B (2 con của bà Q) thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Q.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị Mỹ T (vợ anh Trần Quốc B) đồng ý với trình bày và yêu cầu của bà Q.*

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị P, bà Trần Thị T, bà Trần Thị P và bà Trần Thị T (ủy quyền cho bà Trần Thị T) và thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Thuận.*

- **Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 06/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:**

Căn cứ các Điều 149, 618, 623, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 213, khoản 1 Điều 228, Điều 246 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa:*

Chia tài sản thừa kế của ông Trần T và bà Lê Thị L là nhà đất tại thửa 362, tờ bản đồ số 01, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

1.1 *Về chia hiện vật:*

- Bà Nguyễn Thị Q được nhận phần đất có diện tích 1.300m² (gồm 70m² đất ở và 1.230m² đất trồng cây lâu năm), trong đó có 169,5m² đất thuộc quy hoạch giao thông (Ký hiệu phần A trong bản vẽ kèm theo bản án).

- Các bà Trần Thị Băng T, Trần Thị P, Trần Thị P và Trần Thị T nhận chung phần nhà, đất có diện tích 2.592,5m², trong đó gồm 130m² đất ở và 2.462,5m² đất trồng cây lâu năm, trong đó có 425,8m² đất thuộc quy hoạch giao thông (Ký hiệu phần B trong bản vẽ kèm theo bản án).

- Các bên thống nhất ai nhận phần đất nào thì được hưởng tài sản trên phần đất đó và không phải thanh toán lại cho nhau giá trị tài sản chênh lệch.

1.2 Thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế:

- Bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần An T giá trị kỷ phần thừa kế của ông T được nhận là 57.994.326 đồng khi ông T có yêu cầu.

- Các bà Trần Thị Băng T, Trần Thị P, Trần Thị P và Trần Thị T có trách nhiệm cùng thanh toán cho bà Trần Thị T giá trị kỷ phần thừa kế của bà T được nhận là 57.994.326 đồng khi bà T có yêu cầu.

2. Án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Băng T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần An T, bà Trần Thị T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.899.716 đồng.

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã đóng đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Ngày 03/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận được Đơn kháng cáo của bà Trần Bạch T (vợ ông Trần An T, ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chết) định cư tại Hoa Kỳ gửi về, nội dung đơn kháng cáo, bà T cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa không triệu tập hợp lệ vợ và con ông T tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không chia hiện vật (quyền sử dụng đất) cho ông T mà chia bằng tiền trong khi giá đất theo định giá quá thấp là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và các con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của bà T và 2 con là bà Trần Ngọc Thùy D giữ nguyên kháng cáo của bà T.

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và Bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là có cơ sở, đúng pháp luật; tuy nhiên, về án phí dân sự sơ thẩm thì ông T là người cao tuổi và định cư tại Hoa Kỳ và không tham gia tố tụng và cũng đã chết trước khi Tòa án xét xử sơ thẩm nên đề nghị cấp phúc thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý, giải quyết vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là đúng thẩm quyền vì có đương sự cư trú ở nước ngoài, xác định đúng quan hệ tranh chấp cần giải quyết và vụ án còn thời hiệu khởi kiện về thừa kế tài sản theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 149, 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Bạch T (bà T là vợ ông Trần An T, ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chết ngày 21/11/2021 nên bà T và 2 con là anh A Justin Tran và chị T Maria Tran là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà T và 2 con tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng sau khi thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ngày 24/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa gửi Công văn số 397/CV-TA tới Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ đề nghị tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần An T sinh năm 1947; địa chỉ: 25 Oak Tree Drive, Slidell, LA 70458, Louisiana, USA, trường hợp không tổng đạt được thì tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Cơ quan trong thời hạn 01 tháng và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan các văn bản tố tụng của Tòa án (bút lục 100). Tại Công văn số 250/BC-UTTP ngày 31/8/2021 Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo kết quả tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án như sau: “*Đương sự không đến nhận hoặc không có hồi âm. Thời gian đăng tin từ ngày 30/7/2021*” (bút lục 114). Tại Giấy phép nhập cảnh thi hải/tro cốt số 03-22/LSQNY ngày 27/01/2022 Lãnh sự quán Việt Nam đã cho phép “*bà Tran Bach Tuyet, hộ chiếu Hoa Kỳ số 540411026, địa chỉ 25 Oak Tree Drive, Slidell, LA 70458, Louisiana, Hoa Kỳ được phép mang thi hải/tro cốt ông Trần An T sinh ngày 27/01/1947 chết ngày 21/11/2021, nơi chết Louisiana, Hoa Kỳ về nước*” (bút lục 362). Với các căn cứ trên, đủ cơ sở xác định ông T còn sống vào thời điểm cuối tháng 7 đến cuối tháng 8 năm 2022 khi Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đến địa chỉ cư trú của ông T và tiến hành niêm

yết công khai tại trụ sở Đại sứ quán và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán, nhưng ông T cũng như vợ con của ông T không đến nhận hoặc không có ý kiến hồi đáp; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt mẹ con bà T là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà T.

[3] Đối với kháng cáo của bà T cho rằng Tòa án không chia hiện vật (quyền sử dụng đất cho ông T) mà chỉ chia kỷ phần thừa kế của ông T bằng trị giá quyền sử dụng đất, trong khi trị giá quyền sử dụng đất theo định giá quá thấp là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T (bà T và 2 con là người kế thừa), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: [3.1] Vợ chồng cụ Trần T, cụ Lê Thị L có 8 người con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm chia Di sản thừa kế của vợ chồng cụ T, cụ L (nhà cấp 4 và quyền sử dụng thửa đất số 362, tờ bản đồ số 01, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa) thành 9 kỷ phần, mỗi con được hưởng 1 kỷ phần và dành 1 kỷ phần công sức trông coi, bảo quản di sản cho vợ chồng bà Q (chồng bà Q là ông Trần Thế Bửu đã chết) là có cơ sở, đúng pháp luật; [3.2] Đối với vấn đề chia hiện vật, cấp phúc thẩm xét thấy di sản cụ T, cụ L để lại là 3.892,5m² đất, nhưng chỉ có 200m² đất ở, còn lại là đất nông nghiệp và còn có 595,3m² đất thuộc quy hoạch đường giao thông, trong khi hiện nay 6/8 người con của vợ chồng cụ T, cụ L còn sống và vợ chồng bà Q đã xây dựng nhà ở ổn định trên đất từ lâu; do đó, không thể chia 200m² đất ở cho cả 8 người thừa kế như đề nghị của bà T vì diện tích đất ở quá nhỏ, còn đất nông nghiệp thì mẹ con bà T định cư tại Hoa Kỳ không thuộc diện được Nhà nước Việt Nam giao đất nông nghiệp; vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho mẹ con bà Q 70m² đất ở và 1.230m² đất trồng cây lâu năm, còn lại 130m² đất ở (trên đất có nhà cũ của cụ T và cụ L) và 2.462,5m² đất trồng cây lâu năm thì chia chung cho các bà Trần Thị Băng T, Trần Thị P, Trần Thị P và Trần Thị T là có cơ sở, đúng pháp luật; [3.3] Về trị giá đất, cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ *Biên bản định giá tài sản* ngày 05/11/2021 do Hội đồng định giá được thành lập theo đúng qui định của pháp luật định giá (xác định quyền sử dụng đất trị giá 349.098.850 đồng, trong đó 200m² đất thổ có trị giá 133.087.600 đồng, 3692,5m² đất trồng cây lâu năm có giá 216.011.250 đồng, giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất do vợ chồng cụ T, cụ L tạo lập gồm 83m² nhà xây cũ có giá 107.877.756 đồng, 02 giếng nước có giá 6.792.000 đồng, cây cối trên đất có giá 180.000 đồng; tổng trị giá di sản là 463.954.606 đồng) để chia thừa kế và tạm giao kỷ phần của ông Trần An T 57.994.326 đồng cho bà Q quản lý, bà Q có trách nhiệm thanh toán lại kỷ phần thừa kế của ông T (do ông T đã chết ngày 21/11/2021 nên cấp phúc thẩm chỉnh lý lại tên người kế thừa hưởng kỷ phần thừa kế của ông T là bà T và 2 con) là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Từ các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Bạch T và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Riêng đối với án phí dân sự sơ thẩm, cấp phúc thẩm xét thấy ông T là người cao tuổi, định cư tại Hoa Kỳ, không tham gia tố tụng và đã chết trước khi xét xử sơ thẩm nên cấp phúc thẩm xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc

thẩm là có cơ sở nên cấp phúc thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (chỉ sửa án sơ thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần An T), cụ thể:

Căn cứ các Điều 149, 618, 623, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 213, khoản 1 Điều 228, Điều 246 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa:

Chia di sản thừa kế của cụ Trần T và cụ Lê Thị L là nhà đất tại thửa 362, tờ bản đồ số 01, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

1.1 Về chia hiện vật:

- Bà Nguyễn Thị Q được nhận phần đất có diện tích 1.300m² (gồm 70m² đất ở và 1.230m² đất trồng cây lâu năm), trong đó có 169,5m² đất thuộc quy hoạch giao thông (Ký hiệu phần A trong bản vẽ kèm theo bản án).

- Các bà Trần Thị Băng T, Trần Thị P, Trần Thị P và Trần Thị T nhận chung phần nhà, đất có diện tích 2592,5m², trong đó gồm 130m² đất ở và 2462,5m² đất trồng cây lâu năm, trong đó có 425,8m² đất thuộc quy hoạch giao thông (Ký hiệu phần B trong bản vẽ kèm theo bản án).

- Các bên thống nhất ai nhận phần đất nào thì được hưởng tài sản trên phần đất đó và không phải thanh toán lại cho nhau trị giá tài sản chênh lệch.

1.2 Thanh toán trị giá kỷ phần thừa kế:

- Bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần An T (ông T đã chết ngày 21/11/2021 nên vợ và con ông T là bà Trần Bạch T, anh A Justin Tran và chị T Maria Tran nhận) trị giá kỷ phần thừa kế là 57.994.326 đồng khi có yêu cầu.

- Các bà Trần Thị Băng T, Trần Thị P, Trần Thị P và Trần Thị T có trách nhiệm cùng thanh toán cho bà Trần Thị T trị giá kỷ phần thừa kế của bà T được nhận là 57.994.326 đồng khi bà T có yêu cầu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Băng T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị Q được miễn.

Bà Trần Thị T phải chịu 2.899.716 đồng.

Ông Trần An T được miễn (ông T đã chết và người kế thừa là bà Trần Bạch T và hai con không phải nộp).

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, đã nộp đủ và chỉ xong.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Trần Bạch T phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0010008 ngày 24/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn Lê Phước Thanh

Đặng Kim Nhân